

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 9 - 2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn Tr; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Tráng Thị N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thị trấn B, huyện B, tỉnh L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trương Văn Tr và chị Tráng Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 16 tháng 12 năm 2015.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động, làm ăn kinh tế nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chỉ Tráng Thị N.

- Về con chung: Anh Trương Văn Tr và chị Tráng Thị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Trương Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Tráng Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Tráng Thị N thừa nhận lời khai của anh Trương Văn Tr về thời gian, hình thức kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm.

- Về con chung: Chị Tráng Thị N và anh Trương Văn Tr không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự phân chia, nếu không được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa anh Trương Văn Tr và chị Tráng Thị N. Về con chung và tài sản chung anh Trương Văn Tr không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh Trương Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh thể hiện anh Tr và chị N có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ. Anh Tr và chị N không có con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Tráng Thị N có nơi cư trú tại Thị trấn B, huyện B, tỉnh L. Chị N và anh Tr đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Th giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị N đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 16 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Th, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trương Văn Tr được ly hôn chị Tráng Thị N.

[3]. Về con chung: Anh Trương Văn Tr và chị Tráng Thị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, chị N trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự phân chia, nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trương Văn Tr được ly hôn chị Tráng Thị N.

2. Về án phí: Anh Trương Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015978 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, thành phố Hải Phòng. Anh Trương Văn Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Tráng Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được N yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- UBND xã L, huyện Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 16 tháng 12 năm 2015);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý

